

# HOẠT ĐỘNG TẠI HỆ THỐNG CHỢ Ở TỈNH NAM ĐỊNH GIAI ĐOẠN 1831 - 1890

BÙI VĂN HUỲNH (\*)

**Tóm tắt:** Nam Định là một tỉnh lớn ở đồng bằng Bắc Bộ. Từ năm 1831 đến năm 1890, các hoạt động kinh tế, xã hội ở Nam Định luôn sôi động, tấp nập. Sự ổn định của kinh tế đã tạo điều kiện cho hệ thống chợ ở Nam Định phát triển rộng khắp trên toàn tỉnh. Các hoạt động kinh tế tại hệ thống chợ ở Nam Định khá phong phú, đóng vai trò quan trọng trong nền kinh tế địa phương. Bài viết nghiên cứu những đặc điểm trong hoạt động của hệ thống chợ ở Nam Định.

**Từ khóa:** Chợ; thương mại; Nam Định.

**Abstract:** Nam Dinh is a major province in the Northern delta. The 1831 - 1890 period was a time of dynamic economic and social activities in Nam Dinh. Economic stability had facilitated the growth of wet markets in Nam Dinh. Diverse economic activities at wet markets in Nam Dinh had significantly contributed to local economy. This article studied the operation of wet markets in Nam Dinh in the 1831-1890 period.

**Keywords:** Wet market; trade; Nam Dinh province.

Ngày nhận bài: 06/8/2018; Ngày sửa bài: 20/8/2018; Ngày duyệt đăng bài: 29/12/2018.

## Mở đầu

Tỉnh Nam Định được thành lập năm 1831 trong cuộc cải cách hành chính lớn của vua Minh Mạng. Khi thành lập tỉnh Nam Định, triều Nguyễn đã cơ cấu lại các đơn vị hành chính: Cấp phủ gồm 4 phủ là Thiên Trường, Nghĩa Hưng, Kiến Xương và Thái Bình. Minh Mạng cũng cho lập thêm cấp phân phủ. ở Nam Định có thêm các phân phủ Kiến Xương, Thái Bình, Thiên Trường (lập năm 1832) và phân phủ Nghĩa Hưng (lập năm 1833). Năm Tự Đức thứ 4 (1851) lại bỏ phân phủ Thiên Trường và phân phủ Kiến Xương<sup>(1)</sup>. Đến năm 1887, tổng số đơn vị hành chính của tỉnh Nam Định gồm có: 4 phủ, 18 huyện, 141 tổng, 834 xã<sup>(2)</sup>. Năm 1888, huyện Hải Hậu được thành lập mới là huyện thứ 19 của tỉnh Nam Định với 5 tổng, 36 xã.

Năm 1890, tỉnh Nam Định được chia tách thành 2 tỉnh lấy sông Hồng làm

ranh giới tự nhiên: phần Hữu ngạn được giữ nguyên là tỉnh Nam Định; phần Tả ngạn được lập thành tỉnh mới là Thái Bình.

Trong khoảng thời gian từ năm 1831 đến năm 1890, tỉnh Nam Định có nền kinh tế tương đối ổn định. Các hoạt động nông nghiệp, thủ công nghiệp, thương nghiệp ở Nam Định luôn diễn ra sôi động và chiếm địa vị quan trọng đối với Nhà nước. Đầu thế kỷ XIX, nhà bác học Phan Huy Chú đã từng nhận xét: “Địa thế trấn này rộng, xa, người nhiều cảnh tốt, là bậc thứ nhất trong 4 thừa tuyên... thực là cái bình phong phen chấn của trung đô và là

(\*) ThS. Viện Sử học, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam.

(1) Quốc sử quán triều Nguyễn (2006), *Đại Nam nhất thống chí*, tập 3, Nxb. Thuận Hóa, Huế, tr.375.

(2) Ngô Đức Thọ - Nguyễn Văn Nguyên - Philippe Papin dịch (2003), *Đông Khánh dư địa chí*, Nxb. Thế giới, Hà Nội, tr.297.

kho tàng của nhà vua"<sup>(3)</sup>. Đến cuối thế kỷ XIX, trong 1 chuyến đi thăm Bắc Kỳ, Trương Vĩnh Ký cũng đánh giá Nam Định là tỉnh mạnh thứ nhất Bắc Kỳ: "Ruộng nương tốt, nhân vật thịnh, buôn bán lớn, chợ búa đông"<sup>(4)</sup>.

Trên cơ sở nền kinh tế vững chắc, các hoạt động buôn bán sầm uất đã hình thành ở Nam Định một hệ thống chợ phát triển rộng khắp từ tỉnh thành đến những vùng thôn quê. Theo thống kê trong sách *Đại Nam nhất thống chí*, giữa thế kỷ XIX trên địa bàn tỉnh Nam Định có 42 chợ lớn nhỏ<sup>(5)</sup>. Cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX, các phủ huyện phía Hữu Ngạn sông Hồng thuộc tỉnh Nam Định có 153 chợ<sup>(6)</sup>, các phủ huyện bên Tả Ngạn có 108 chợ<sup>(7)</sup>. Tại các chợ này thường xuyên diễn ra những hoạt động kinh tế, xã hội sôi động.

## 1. Hoạt động mua bán

### 1.1. Đối tượng mua, bán hàng

Hoạt động mua bán, trao đổi sản phẩm là hoạt động cơ bản, quan trọng nhất của các chợ nói chung. Hoạt động này diễn ra giữa người bán hàng và người mua hàng tại chợ:

*Người bán hàng*: Hệ thống chợ ở Nam Định cũng như nhiều địa phương khác trong vùng đồng bằng Bắc Bộ dưới thời quân chủ Việt Nam phần lớn là những chợ làng có quy mô nhỏ. Các chợ này chủ yếu phục vụ việc trao đổi sản phẩm giữa các đối tượng nhân dân quen thuộc trong một làng hoặc một số làng lân cận. Trong cơ cấu xã hội của làng xã Việt Nam thời quân chủ có đến hơn 90% là những người nông dân, các thương nhân chiếm số lượng không nhiều. Tuy vậy, chợ làng vẫn hút khá đông người tham gia buôn bán. Thực chất nhiều người bán hàng tại các chợ làng không phải là những thương

nhân chuyên nghiệp. Họ chỉ là những người nông dân trong làng mang các sản phẩm dư thừa của gia đình ra chợ trao đổi lấy những sản phẩm còn thiếu trong sinh hoạt hàng ngày. Có thể nói, hầu hết những người bán hàng tại chợ làng là những *nông dân kiêm tiểu thương*. Đây là những hiện tượng chung trong đời sống nhân dân ở Nam Định cũng như vùng đồng bằng Bắc Bộ.

Ở quy mô lớn hơn chợ làng là những chợ huyện, chợ phủ, chợ tỉnh có xuất hiện một bộ phận tầng lớp người bán hàng chuyên nghiệp và cả những thương nhân nước ngoài. Tư liệu thế kỷ XIX cho biết ở Nam Định đã có những dãy phố buôn của người Hoa được gọi là *Phố khách* như phố Vinh Ninh có Hội quán của người Phúc Kiến, phố Yên Lạc có Hội quán Việt Đông<sup>(8)</sup>. Trong các chợ lớn như chợ Rông, chợ Vị Hoàng xuất hiện nhiều sạp hàng của người Hoa buôn bán thuốc Bắc, vải lụa Trung Quốc... Như vậy, lực lượng những người buôn bán tại các chợ lớn bên cạnh những người nông dân còn có cả

<sup>(3)</sup> Phan Huy Chú (2008), *Lịch triều hiến chương loại chí*, tập 1, Nxb. Giáo dục, Hà Nội, tr.97.

<sup>(4)</sup> Trương Vĩnh Ký, *Chuyến đi thăm Bắc Kỳ năm út Hợi (1876)*, bản in Nhà hàng C. Guillard et Martinon, Sài Gòn, 1881, Dẫn theo Trần Thị Thái Hà (2017), *Từ hành cung Tức Mặc - Thiên Trường đến đô thị Vị Hoàng (thế kỷ XIII - XIX)*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, tr.189.

<sup>(5)</sup> Quốc sử quán triều Nguyễn (2006), *Đại Nam nhất thống chí*, tập 3, Sdd, tr.403 - 404.

<sup>(6)</sup> Khiếu Năng Tĩnh (1915), *Tân biên Nam Định tỉnh địa dư chí lược* (Dương Văn Vượng dịch), Phòng Địa chí - Thư mục, thư viện tỉnh Nam Định.

<sup>(7)</sup> Nguyễn Quang Ân - Nguyễn Thanh (Chủ biên) (2006): *Tài liệu địa chí Thái Bình*, tập 1, Trung tâm UNESCO thông tin tư liệu Lịch sử Văn hóa Việt Nam xuất bản, Hà Nội, tr.148.

<sup>(8)</sup> Nguyễn Ôn Ngọc (1893), *Nam Định tỉnh địa dư chí mục lục* (Trần Lê Hữu dịch), phòng Địa chí-Thư mục, Thư viện tỉnh Nam Định, tr.5.

tầng lớp thương nhân. Trong các chợ ở trung tâm có khi xuất hiện cả những địa chủ, quan lại giàu có cùng người nhà tham gia buôn bán. Ghi chép của một người nước ngoài cho biết: “Các quan lại rất dễ dàng trở nên con buôn khi có thể vớ được món lời nào. Các quan mua những thứ lớn lao và đắt tiền. Những thứ gì trị giá ít hơn, các quan đã có những người phụ nữ thân tín thạo nghề buôn, họ nhận một hay hai lô hàng để lấy một số lãi”<sup>(9)</sup>.

*Người mua hàng:* Cũng giống như người bán hàng, người mua hàng ngoài chợ làng hầu hết là nông dân đi mua sắm những vật dụng cần thiết cho gia đình. Đôi khi người bán hàng cũng kiêm luôn vai trò là người mua hàng khi họ mang những sản phẩm mình có ra bán lấy được tiền rồi lại quay ra mua những thứ cần thiết ngay tại chợ. Những chợ huyện, chợ phủ, chợ tỉnh là những chợ lớn ở gần trung tâm lý sở. Tại các chợ này, việc mua bán không chỉ phục vụ nông dân làng xã mà nó còn phục vụ cho đời sống của các gia đình quan lại, bộ máy chính quyền địa phương. Bởi vậy, trong các chợ cũng thường xuyên có người nhà quan lại hay nhân viên công vụ đi mua sắm hàng hóa.

*Thành phần giới tính:* Hầu hết người mua, bán tại chợ làng là những phụ nữ. Vai trò của người phụ nữ trong gia đình nông dân vùng đồng bằng Bắc Bộ nói chung là người quản lý tài chính gia đình. Vì vậy, hầu hết việc mua sắm đều do họ đảm đương. Trong một phiên chợ người ta quan sát được cứ 100 người đi chợ thì có đến 84 người là đàn bà con gái<sup>(10)</sup>. Đây là thực trạng chung của vùng đồng bằng Bắc Bộ trong đó có Nam Định.

## 1.2. Nguồn hàng và những sản phẩm được trao đổi trong chợ

Hàng hóa được mang đến trao đổi tại các chợ ở Nam Định xuất phát từ nhiều nguồn khác nhau:

Trong các chợ làng, nguồn sản phẩm được mua bán, trao đổi nhiều nhất chính là những sản phẩm do nhân dân địa phương sản xuất ra đem bán. Thành phần nhiều nhất trong đó là những sản phẩm nông nghiệp như quả trứng, mớ rau, con cá, thúng gạo... Những mặt hàng này tuy rất phong phú và đa dạng nhưng cũng xuất hiện theo mùa. Sau những mùa gặt, thóc gạo nhiều, nhà có thóc gạo thường mang ra bán lấy tiền về trang trải các khoản chi phí khác của cuộc sống. Các loại rau quả thì mùa nào thức ấy. Bên cạnh các sản phẩm nông nghiệp là những sản phẩm thủ công nghiệp như dụng cụ lao động, sinh hoạt hàng ngày cũng là những sản phẩm được mua bán nhiều tại chợ làng. Phần lớn các chợ làng ở Nam Định đều buôn bán nhiều sản phẩm. Ghi chép của Khiếu Năng Tĩnh cho biết: “Các chợ này đều trên bến dưới thuyền, các nơi vãng lai mua bán củi, đóm, than, dầu, cá tôm, muối mắm, vải vóc, nồi niêu, bát đĩa, nắm măng, ngô khoai thóc gạo, thuốc men... thường dùng hàng ngày không thiếu thức gì”<sup>(11)</sup>.

Ngoài những sản phẩm thông thường, trong một số chợ còn buôn bán các đặc sản địa phương. Một số chợ ở huyện Giao Thủy như chợ Hành Thiện, chợ Trà Lũ

<sup>(9)</sup> Nguyễn Quang Ngọc (1993), *Về một số làng buôn cổ ở đồng bằng Bắc Bộ thế kỷ XVIII-XIX*, Hội Sử học Việt Nam xuất bản, Hà Nội, tr.58.

<sup>(10)</sup> Nguyễn Quang Ngọc, *Về một số làng buôn cổ ở đồng bằng Bắc Bộ thế kỷ XVIII-XIX*, Sđd, tr.64.

<sup>(11)</sup> Khiếu Năng Tĩnh, *Tân biên Nam Định tỉnh địa dư chí lược*, Sđd, tr.155.

thường có bán rau quan âm là một loại đặc sản trồng nhiều ở các xã Tương Nam, Ngọc Cục: “Rau quan âm ở huyện Giao Thủy, không có hoa và hạt. Cách trồng: tách lấy cái nhánh cắm xuống đất liền mọc mầm, tươi tốt vào giữa mùa đông lá như lá rau cải lớn mà dày, cuộn dần lại thành bắp như bắp chuối mới trổ, bắp chưa nở bỏ ra thì thấy sắc trắng vị rất ngon”<sup>(12)</sup>. Rau quan âm là đặc sản có ở huyện Giao Thủy vào mùa đông nên muốn ăn rau này có thể mua tại các chợ Giao Thủy. Chợ Tứ Xã, huyện Quỳnh Côi có đặc sản là “Củ đậu sản ở huyện Quỳnh Côi to bằng quả trứng ngỗng, thịt trắng, vị ngọt, ăn sống và xào nấu với thịt lợn thịt chim đều ngon, lại có tính giải độc rượu; để trên gác bếp hàng tuần hàng tháng, sau ăn càng ngon”<sup>(13)</sup>. Các chợ vùng ven biển thường có bán hàng hải sản như ở huyện Hải Hậu: “Chợ Cồn Quần Phương Hạ, chợ Đông Biên. Các chợ này bán đầy đủ các thứ hải sản, các chế phẩm hải sản”<sup>(14)</sup>.

Chợ huyện, chợ phủ là những chợ lớn hơn so với chợ làng. Tại những chợ này, sản phẩm mua bán, trao đổi ngoài các vật dụng thiết yếu hàng ngày còn có thêm một số đồ dùng “cao cấp” buôn bán phục vụ cho giới quan lại, nhà giàu có nhu cầu cuộc sống xa hoa như: “Chợ Hành Thiện ngày nào cũng họp cả ngày, bán mua đầy đủ các thứ thường dùng... đầy đủ các thứ quý báu”<sup>(15)</sup>. Ở một số chợ còn được phép buôn bán và giết mổ trâu bò như: chợ Vũ Xuyên huyện Phong Doanh; chợ Bách Tính, chợ Thi Nam huyện Nam Chân; chợ Tiên Hương (chợ Viêng) huyện Vụ Bản<sup>(16)</sup>. Chợ Tứ Xã huyện Quỳnh Côi: “ở chợ này người ta mua bán trâu bò và các thứ gia súc khác như gà lợn, và các mặt hàng sắt, hàng tơ tằm, thóc gạo, rượu

muối và các thứ hàng tạp hóa, hàng ăn uống khác”<sup>(17)</sup>.

Chợ tỉnh Nam Định bán hầu hết những mặt hàng dân dụng, hàng quý báu và cả những mặt hàng của người nước ngoài... Mô tả về cảnh mua bán ở tỉnh thành Nam Định giữa thế kỷ XIX, Quốc sử quán triều Nguyễn chép: “Còn như nơi đô hội thì ở cửa đông tỉnh thành, hàng chợ liên tiếp, buôn bán giao thông, thuyền bè tấp nập, dân đông mà cửa nhiều, thực là một khu giàu rộng, một trấn quan trọng của Bắc Kỳ”<sup>(18)</sup>. Đến cuối thế kỷ XIX, cảnh mua bán này còn phát triển mạnh hơn: “Ghe thuyền nhóm họp, đồ đạc dã nhiều, giang tre cũng đủ. Thêm vào đó lại có hỏa thuyền ngày đêm chuyên chở khách buôn hàng hóa qua lại như mắc cửi, đường thủy lại càng thuận lợi. Có khi thuyền bè chạt bến, sự buôn bán tấp nập trở nên một xứ đô hội, thứ nhất Hà Nội, thứ nhì Nam Định”<sup>(19)</sup>.

Về những tuyến lưu thông hàng hóa qua chợ: Ở những chợ tỉnh, mặt hàng nông, lâm, thủy sản được đưa đến từ các địa phương khác. Phần lớn các hàng hóa này được luân chuyển đến qua đường thủy hoặc đường bộ với các phương tiện vận chuyển là gồng gánh, xe bò, thuyền

<sup>(12)</sup> Đại Nam nhất thống chí, tập 3, Sđd, tr.432.

<sup>(13)</sup> Đại Nam nhất thống chí, tập 3, Sđd, tr.431.

<sup>(14)</sup> Khiếu Năng Tĩnh, Tân biên Nam Định tỉnh địa dư chí lược, Sđd, tr.156.

<sup>(15)</sup> Khiếu Năng Tĩnh, Tân biên Nam Định tỉnh địa dư chí lược, Sđd, tr.156.

<sup>(16)</sup> Khiếu Năng Tĩnh, Tân biên Nam Định tỉnh địa dư chí lược, Sđd, tr.155.

<sup>(17)</sup> Nguyễn Quang Ân - Nguyễn Thanh (Đồng Chủ biên), Tài liệu địa chí Thái Bình, tập 1, Sđd, tr.147.

<sup>(18)</sup> Đại Nam nhất thống chí tập 3, Sđd, tr.387.

<sup>(19)</sup> Nguyễn Ôn Ngọc, Nam Định tỉnh địa dư chí lược, Sđd, tr.5.

bè qua các bến đò ngang, đò dọc. Các mặt hàng đi theo đường bộ chủ yếu là những nông sản của các địa phương ven tỉnh thành như huyện Mỹ Lộc, huyện Thượng Nguyên theo các triền đê và các con đường nối qua bến Đò Quan, Đò Bái, Đò Chè đổ về chợ Rông, chợ Phương, chợ Vị Hoàng. Hàng từ huyện Vũ Tiên qua đò Tân Đệ chuyển sang.

Ở thế kỷ XIX, các bến đò dọc trên khu vực tỉnh lỵ Nam Định có vai trò quan trọng trong việc vận chuyển hàng hóa từ tỉnh khác đến tiêu thụ tại các chợ lớn của tỉnh: “Các bến sông Đào, sông Vị Hoàng mỗi ngày có hàng trăm thuyền mành từ Hà Nội, Sơn Tây, Hòa Bình xuống, các tỉnh miền Trung như Thanh Hóa, Nghệ An, Quảng Bình chở hàng hóa tới”<sup>(20)</sup>.

Hàng hóa từ miền Trung chở ra gồm có: đường cát, đường phỉ, đường phèn, các loại mắm, lâm sản, gỗ quý (như trầm hương), dừa, cau khô... Từ miền Trung và các tỉnh thượng du Bắc kỳ còn có tre, nứa, song, mây, than củi, cánh kiến, sơn ta<sup>(21)</sup>... Tuyến đường chuyên chở các hàng hóa từ miền Trung ra thường các thuyền bè đi theo đường biển ra Nam Định và theo các cửa Ba Lạt, cửa Lác, cửa Liêu, cửa Diêm Hộ, cửa Trà Lý vào các huyện Giao Thủy, Hải Hậu, Đàng An, Thụy Anh, Chân Định. Từ đây, hàng hóa theo sông Nhị Hà, sông Ninh Cơ, sông Đáy, sông Vị Hoàng, sông Hộ, sông Trà Lý để đến với các chợ ở tỉnh thành. Hàng từ Ninh Bình và các tỉnh miền núi Tây Bắc thường xuôi theo sông Đáy về chợ xã Phù Sa huyện Đại An rồi lại ngược sông Vị Hoàng lên tỉnh thành<sup>(22)</sup>.

Hàng hóa từ Hà Nội và một số tỉnh miền Bắc chủ yếu theo sông Nhị Hà về có những thứ như đồ gốm Bát Tràng, đồ đồng Bắc Ninh... Các tỉnh Hải Dương,

Quảng Yên theo sông Lục Đầu về sông Luộc, qua đò chợ Kỳ Bó, huyện Vũ Tiên rồi xuôi về tỉnh thành. Các huyện như Bình Lục, Nam Xang (Hà Nội) đưa lợn, gà, củ quả, ngô, khoai theo sông Châu Giang về bến đò Vạn Khoảnh và đò Hà Lộc của huyện Mỹ Lộc rồi tiếp tục đi theo đường bộ về tỉnh thành<sup>(23)</sup>.

Từ các chợ, đò ở Nam Định cũng vận chuyển tơ lụa, khăn xếp, đồ thêu, đồ sắt, hàng mộc chạm khắc đi theo những tuyến sông trên để cung cấp cho các địa phương khác.

Đối với các chợ làng, chợ huyện hàng hóa chủ yếu được cung cấp từ những sản phẩm của nông nghiệp, thủ công nghiệp tại địa phương. Một số hàng hóa cần thiết không có tại địa phương thì được cung cấp về từ những chợ lớn trong tỉnh, phủ, ở huyện Nam Trực “các chợ này có các thứ buôn từ thành phố về bán như thuốc men, dầu nến...”<sup>(24)</sup>.

Các tuyến lưu thông hàng hóa trên đã góp phần kết nối các chợ ở Nam Định lại thành một hệ thống cung cầu qua lại với nhau: Để có được tre, nứa, mây, song, măng, nấm từ Ninh Bình, Thanh Hóa cung cấp cho các chợ tỉnh thì các thuyền buôn đi theo đường sông Đáy, sông Vị Hoàng, trên đường vận chuyển, thuyền buôn thường dừng chân nghỉ tạm tại bến Phù Sa. Một phần hàng hóa được đưa về chợ Phù Sa để buôn bán, trao đổi trước khi các thuyền buôn tiếp tục lên tỉnh

<sup>(20)</sup> Vũ Ngọc Lý (1997), *Thành Nam xưa*, Sở Văn hóa thông tin Nam Định xuất bản, tr.130.

<sup>(21)</sup> Vũ Ngọc Lý, *Thành Nam xưa*, Sđd, tr.130-131.

<sup>(22)</sup> Khieu Năng Tĩnh, *Tân biên Nam Định tỉnh địa dư chí lược*, Sđd, tr.154-155

<sup>(23)</sup> Vũ Ngọc Lý, *Thành Nam xưa*, Sđd, tr.131

<sup>(24)</sup> Khieu Năng Tĩnh, *Tân biên Nam Định tỉnh địa dư chí lược*, Sđd, tr.155-156.

thành. Cũng tương tự, hàng hóa từ Nghệ An, Thanh Hóa và các tỉnh miền Trung khác chuyển về tỉnh thành Nam Định qua đường sông Ninh Cơ và sông Nhị Hà thường dừng lại ở khu vực Quần Anh, Hành Thiện trao đổi một phần. Sự kết nối giữa các chợ làng tiêu biểu là hiện tượng chợ làng Báo Đáp có liên kết với các chợ làng xung quanh: “ở các làng xung quanh Báo Đáp, làng nào cũng có chợ và các chợ đều có quan hệ chặt chẽ với nhau tạo thành mạng lưới thị trường dày đặc ở địa phương. Bản thân làng Báo Đáp cũng có chợ Kem (nay là chợ Hôm hay còn gọi là chợ Báo Đáp) là chợ khá lớn và có quan hệ rộng”<sup>(25)</sup>. Hiện tượng này cho thấy các chợ làng ở Nam Định có mối quan hệ khăng khít, tương hỗ lẫn nhau tạo thành một hệ thống hoạt động hiệu quả.

## 2. Hợp chợ theo phiên

Hợp chợ theo chu kỳ phiên là một đặc trưng của hoạt động chợ ở đồng bằng Bắc Bộ. Hoạt động này có từ lâu đời trong dân gian. Ngay từ thế kỷ XIII, sứ nhà Nguyên là Trần Phu khi sang nước ta đã có những ghi chép “Trong các xóm làng thường có chợ, cứ 2 ngày họp 1 phiên, hàng hóa trăm thứ bày la liệt. Hệ cứ 5 dặm thì dựng một ngôi nhà 3 gian, bốn phía đặt chông để làm nơi họp chợ”<sup>(26)</sup>. Việc họp chợ theo phiên ban đầu là tự phát do người đi chợ đặt ra với nhau, Nhà nước không can thiệp. Đến năm 1477, Lê Thánh Tông ban hành “Lệ lập chợ” thì việc họp chợ theo phiên được quy định rõ ràng trong chiếu lệ này<sup>(27)</sup>.

Việc họp chợ theo phiên được duy trì từ lúc mới mở chợ và trong suốt quá trình tồn tại của chợ. Thông thường đối với các chợ làng, việc họp phiên chợ được tính theo chu kỳ hàng tháng (âm lịch). Trung

binh mỗi chợ họp khoảng 6 hoặc 9 phiên mỗi tháng. Tất cả các chợ mở ra dù lớn hay nhỏ đều có phiên chợ. Việc quy định ngày phiên chợ có thể do những người quản lý chợ, lập chợ quy định, cũng có thể do những người buôn bán trong chợ tự thống nhất với nhau. Để quy định ngày phiên chợ và số lượng phiên chợ trong một chu kỳ thời gian 1 tháng hay 1 năm phải căn cứ vào nhiều điều kiện về quy mô chợ, nhu cầu trao đổi của nhân dân trong vùng, vị trí chợ so với các chợ xung quanh. Thông thường, những chợ ở gần nhau có những ngày phiên lệch nhau để tránh ảnh hưởng lẫn nhau. Việc quy định phiên là để tránh trùng phiên chợ với các chợ khác và cũng tạo ra một chu kỳ chợ khép kín của một vùng, đảm bảo phục vụ tối đa nhu cầu mua bán của nhân dân vào tất cả các ngày trong tháng.

Việc quy định phiên chợ kế tiếp nhau đã tạo ra một “vùng liên làng” theo chu kỳ phiên chợ trong từng tháng. Một số làng gần nhau được phân chia họp chợ trước sau theo một thời gian tuần tự tạo ra một vùng lưu thông hàng hóa - một “vùng khép”<sup>(28)</sup>. Hiện tượng họp chợ theo những “vùng liên làng” có ở hầu khắp tỉnh Nam Định.

Tuy nhiên, không phải chợ nào cũng họp phiên theo quy luật này. Ở Nam Định có những chợ họp liên tục tất cả các ngày trong tháng, đó là những chợ lớn ở

<sup>(25)</sup> Nguyễn Quang Ngọc, *Về một số làng buôn cổ ở đồng bằng Bắc Bộ thế kỷ XVIII, XIX*, Sđd, tr.99.

<sup>(26)</sup> Trần Phu, *An Nam tức sử*, dẫn theo Trương Hữu Quỳnh (Chủ biên) (2003), *Làng xã Việt Nam một số vấn đề Kinh tế-Văn hóa-Xã hội*, Nxb. Giáo dục, tr.210.

<sup>(27)</sup> *Hồng Đức thiện chính thư* (Nguyễn Sĩ Giác dịch, 1959), Nam Hà ấn quán xuất bản, Sài Gòn, tr.145.

<sup>(28)</sup> Phan Đại Doãn (2001), *Làng xã Việt Nam một số vấn đề Kinh tế-Văn hóa-Xã hội*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.60.

trung tâm tỉnh, những chợ ở nơi đặt lệ sở của các phủ, huyện, hoặc cũng có thể là những chợ thực phẩm tại các làng nghề thủ công. Các chợ như chợ Rồng, chợ Phượng, chợ Vị Hoàng, chợ Hành Thiện đều là những chợ họp hàng ngày mà không có ngày nào là phiên chợ. Những chợ này ngoài việc trao đổi của nhân dân còn phục vụ cho nhu cầu sinh hoạt của gia đình quan lại địa phương, các chợ này cũng chính là những đầu mối tập trung hàng hóa để luân chuyển từ các địa phương trong tỉnh đi tiêu thụ ở những nơi khác.

Ở Nam Định có một số chợ đặc biệt họp phiên theo chu kỳ hàng năm như: Chợ Viêng một năm chỉ họp một lần duy nhất vào ngày 8 tháng Giêng (âm lịch)<sup>(29)</sup>, chợ Tiên ở huyện Thu Trì họp phiên vào ngày 10 tháng 2 hàng năm<sup>(30)</sup>.

Phiên chợ là một đặc trưng của chợ làng ở khu vực đồng bằng Bắc Bộ. Chợ ở Nam Định cũng có những quy luật họp theo phiên giống như các địa phương khác. Ngoài ra, một số chợ ở Nam Định còn có những cách chia phiên riêng biệt của những chợ có tính chất đặc biệt.

### 3. Thuế chợ và các hoạt động quản lý chợ

#### 3.1. Việc thu thuế chợ

Đầu thế kỷ XIX, triều Nguyễn chỉ cho thu thuế chợ tại một số chợ lớn đóng trên những địa bàn quan trọng. Với những chợ khác việc đánh thuế chợ được thực hiện thông qua quy định thuế hàng hóa, thuyền buôn tại các cửa tuần trước khi hàng hóa được đưa tới chợ. Lệ thuế này được quy định: “Phàm các nơi chợ búa, quan ải, người buôn hàng hóa qua lại, thời sở tuần ty cứ 40 phần thu thuế 1 phần”<sup>(31)</sup>.

Ở tỉnh Nam Định, việc đánh thuế này

được Tổng đốc Định An là Trịnh Quang Khanh tâu trình lên vua Minh Mạng năm 1839: “Xin ở bến xã Vị Hoàng đặt một sở thuế quan và ở Phù Sa (tên xã chỗ ngã ba sông Vị Hoàng và Ninh Bình), Yên Lãng (tên xã, hạ lưu sông Nhị Hà) đều đặt một chi nhánh thuế quan, phàm thuyền bè đi lại buôn bán chiếu hàng hóa, tính thuế, theo lệ sở thuế trên tính thuế thì sở dưới trừ cho, sở thuế dưới tính thuế thì sở thuế trên trừ cho mà đánh thuế, duy chỉ thuyền nhỏ trong dân gian chỗ tạp hóa đến chợ trao đổi, cùng đoàn thuyền đi tải đem tạp hóa đến bán thì không kể nhiều ít, đều miễn thuế”<sup>(32)</sup>. Lời tâu trình của Trịnh Quang Khanh được Minh Mạng đồng ý cho thi hành từ ngày 01 tháng 3 năm 1839. Sự kiện này cho thấy thuế hàng hóa bán tại chợ chỉ thi hành đối với thuyền buôn lớn chỗ hàng đến các chợ buôn bán, còn hàng hóa của dân gian mang đến chợ thì không bị đánh thuế.

Cuối thế kỷ XIX, trước sức ép về tài chính quốc gia và áp lực từ thực dân Pháp, từ năm 1887 vua Đồng Khánh cho ra soát các chợ lớn nhỏ trên cả nước để lập biểu thuế đánh vào các chợ. Chỉ dụ của Đồng Khánh quy định: “Nay gặp lúc tài chính eo hẹp, nghĩ nên thực hiện khoản thu này mới có lợi ích. Xin sao ra sức khắp nơi cho Phủ doãn (cũng như Phủ thừa) cùng Tổng đốc, Tuần phủ, Bó

<sup>(29)</sup> Đào Tố Uyên - Bùi Văn Huỳnh (2011), “Chợ Viêng Nam Giang - Lịch sử và truyền thống”, Tạp chí *Nghên cầu Lịch sử*, số 6 (422) năm 2011, tr.11 - tr.21.

<sup>(30)</sup> Nguyễn Quang Ân-Nguyễn Thanh (Chủ biên), *Tài liệu địa chí Thái Bình*, tập 1, tr.186.

<sup>(31)</sup> Nội các triều Nguyễn (1993), *Khâm định Đại Nam hội điển sự lệ*, tập 3, Nxb. Thuận Hóa, Huế, tr.271.

<sup>(32)</sup> Quốc sử quán triều Nguyễn (2007), *Đại Nam thực lục*, tập 5, Nxb. Giáo dục, Hà Nội, tr.459-460.

chính ở các Trục tỉnh để tuân theo mà xét rõ trong hạt có bao nhiêu phố chợ tụ tập nổi tiếng, bao nhiêu bến đò tiện đường giao thông qua lại, phải xét hỏi nhiều thêm (đời sống kinh tế giàu hay nghèo, bao nhiêu đường sá giao thương, không cần phải tính số người) mới châm chước mà định ngạch thuế cho thích ứng (như chợ nào đó, bến đò nào đó, hàng năm tiền thuế bao nhiêu)<sup>(33)</sup>.

Chính sách này áp dụng ở các tỉnh Bắc Kỳ và Trung Kỳ, tất cả các tỉnh đều thực hiện thu thuế chợ. Theo chỉ dụ trên, chính quyền Nam Định đã phân chia các chợ làm 5 hạng phải đóng thuế: chợ hạng nhất có số tiền thuế nộp lên trên là 210 đồng/năm, chợ hạng 2 là 180 đồng/năm, chợ hạng 3 là 120 đồng/ năm, chợ hạng 4 là 60 đồng/năm, chợ hạng 5 là 24 đồng/năm<sup>(34)</sup>. Việc thu thuế chợ được giao cho chính quyền địa phương thực hiện. Như vậy, để có tiền thuế nộp cho Nhà nước thì tất cả các quán hàng trong chợ đều có nghĩa vụ nộp thuế.

### 3.2. Những hoạt động quản lý chợ

Công việc quản lý chợ của làng nào được giao cho làng đó tổ chức thực hiện. Nếu chợ là của nhiều làng xã thì có sự phân công, quy định rõ ràng giữa các làng. Làng nào vi phạm quy định cũng sẽ có những hình thức trách phạt. Việc phân chia quản lý chợ này có ở nhiều chợ làng trong tỉnh Nam Định như: chợ Cộng Hội (huyện Đông Quan), việc phân công này đã được ghi vào bia đá ngay từ khi lập chợ và được duy trì thực hiện lâu dài: "xã nào ngấm ngấm lập mưu kế giấu giếm, phá hủy bia đá, tranh chợ công làm của riêng, tự tiện thu thuế chợ... trên thì có trời cao khai mở và long thần trông coi mà có thành tựu, dưới thì các xã của hai tổng hợp lại mà trách phạt"<sup>(35)</sup>.

Công việc trông coi, quét dọn chợ thường được giao cho những người có thân phận thấp hèn trong xã hội như những tù binh, người tàn tật, anh mồ làng, người không có nơi nương tựa. Việc trả công cho những người này không phải là bằng tiền mà chính bằng những hiện vật từ việc thu thuế<sup>(36)</sup>.

Việc quản lý các dụng cụ đo lường được sử dụng hàng ngày đã được triều Nguyễn quy định rõ ràng trong pháp luật, điển chế. Tuy nhiên, những hoạt động mua bán, trao đổi tại các chợ làng diễn ra mang tính chất dân gian. Vì vậy, quy định của Nhà nước về đo lường nhiều khi không được áp dụng phổ biến tại đây. Các tổ chức trong làng xã quản lý chợ cũng không quan tâm đến việc quy định hình thức cân đong, đo đếm tại chợ. Họ chỉ quan tâm đến việc thu thuế, cho người quét dọn chợ và bảo vệ những tài sản chung của chợ như các lều quán.

Trong chợ làng chỉ có một ít cửa hàng sử dụng những dụng cụ đo lường của Nhà nước. Đó là những gian hàng bán thuốc Bắc, bán thịt lợn có sử dụng cân để tính khối lượng. Còn lại hầu hết những mặt hàng khác đều được đo đếm một cách trực quan. Một số loại hàng có sử dụng dụng cụ đong đo nhưng không thống nhất. Mỗi người tự chế tạo dụng cụ riêng của mình với kích thước khác nhau. Đây là tình trạng chung của các chợ làng Việt Nam. Chợ làng ở Nam

<sup>(33)</sup> Quốc sử quán triều Nguyễn (2005), *Khâm định Đại Nam hội điển sự lệ tục biên*, tập 3, Nxb. Giáo dục, tr.63-tr.64.

<sup>(34)</sup> Số liệu từ sách *Nam Định tỉnh địa dư chí mục lục*.

<sup>(35)</sup> Trịnh Khắc Mạnh (Chủ biên) (2015), *Chợ truyền thống Việt Nam qua tư liệu Văn bia*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, tr.300-tr.301.

<sup>(36)</sup> Nguyễn Đức Nghĩa, Trần Thị Hòa (1981), "Chợ làng trước cách mạng tháng Tám", Tạp chí *Dân tộc học*, số 2.



Định cũng không nằm ngoài hiện tượng quản lý thiếu nhất quán về đo lường này.

Khác với chợ làng, các chợ tỉnh, chợ phủ có những tuân thủ khá nghiêm ngặt về đo lường. Một số chợ lớn như chợ Rông, chợ Vị Hoàng nằm ở trung tâm tỉnh lỵ, nơi có hoạt động buôn bán chuyên nghiệp, quản lý chặt chẽ về cách đo lường cũng như thu thuế rõ ràng. Vì trong các chợ này có nhiều loại sản phẩm cần dùng đến những dụng cụ đo lường thống nhất và ngoài những người buôn bán tại địa phương thì còn có nhiều người buôn bán từ các tỉnh khác, và có cả người nước ngoài tham gia vào hoạt động mua bán, trao đổi, vận chuyển hàng hóa. Vì vậy việc quản lý đo lường phải thống nhất theo quy định của Nhà nước.

### Kết luận

Giai đoạn 1831 - 1890, tại tỉnh Nam Định có một hệ thống chợ rộng khắp từ tỉnh thành đến những vùng thôn quê bao gồm các chợ tỉnh, chợ phủ, chợ huyện, chợ làng... Hệ thống chợ này là kết quả của sự kế thừa, phát triển những chợ đã xuất hiện trước đó và những chợ mới được xây dựng. Các chợ có vai trò nhất định trong sự ổn định và phát triển kinh tế của tỉnh.

Những hoạt động tại hệ thống chợ ở Nam Định khá phong phú, đa dạng. Trong đó, các hoạt động kinh tế như mua bán, trao đổi hàng hóa, quản lý thuế chợ là những hoạt động cơ bản nhất góp phần duy trì và phát triển chợ.

Các mặt hàng được trao đổi tại chợ thể hiện cho đời sống kinh tế của nhân dân địa phương: phần lớn những sản phẩm được trao đổi tại các chợ làng là những hàng nông, lâm, thủy sản và sản phẩm

thủ công. Đặc điểm nguồn hàng này phản ánh tính chất nền kinh tế Nam Định trong giai đoạn này cơ bản vẫn là kinh tế tiểu nông, tự cấp, tự túc. Yếu tố hàng hóa trong nền kinh tế còn mờ nhạt. Tuy nhiên, bên cạnh tính tiểu nông ở các chợ làng thì những chợ lớn ở trung tâm tỉnh lỵ Nam Định lại cho thấy mối giao lưu khá rộng rãi. Cuối thế kỷ XIX, nhiều hàng hóa nước ngoài xuất hiện ở các chợ lớn tại tỉnh thành Nam Định. Tính chuyên nghiệp trong buôn bán cũng ngày càng được nâng cao với sự tham gia của nhiều đoàn thương nhân nước ngoài trong hoạt động buôn bán tại các chợ này. Sự sôi động trong buôn bán ở tỉnh thành Nam Định là một trong những mầm mống xuất hiện phương thức kinh doanh mới góp phần biến đổi tính chất nền kinh tế Nam Định trong giai đoạn lịch sử tiếp theo. Hoạt động của các chợ ở khu vực trung tâm tỉnh Nam Định là một trong những yếu tố tác động đến quá trình đô thị hóa hình thành thành phố Nam Định ở đầu thế kỷ XIX.

Hợp chợ theo phiên là một đặc trưng thấy rõ ở tỉnh Nam Định cũng như vùng đồng bằng Bắc Bộ. Sự phân chia phiên họp của các chợ có tác động tích cực đến hoạt động mua bán, trao đổi sản phẩm phục vụ đời sống nhân dân. Những quy luật hợp phiên chợ này còn được kế thừa và duy trì và phát huy ưu điểm đến ngày nay.

Hầu hết các chợ được xây dựng từ trước hoặc trong giai đoạn 1831 - 1890 vẫn còn duy trì hoạt động đến ngày nay. Sự kế thừa này cũng góp cơ sở cho việc quy hoạch, xây dựng hệ thống chợ ngày nay.

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Nguyễn Quang Ân - Nguyễn Thanh (Chủ biên, 2006), *Tài liệu địa chí Thái Bình*, tập 1, Trung tâm UNESCO thông tin tư liệu Lịch sử Văn hóa Việt Nam xuất bản, Hà Nội.
2. Phan Huy Chú (2008), *Lịch triều hiến chương loại chí*, tập 1, Nxb. Giáo dục, Hà Nội.
3. Phan Đại Doãn (2001), *Làng xã Việt Nam một số vấn đề Kinh tế-Văn hóa-Xã hội*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
4. Lê Quang Định (2005), *Hoàng Việt nhất thống dư địa chí*, Nxb. Thuận Hóa - Trung tâm Văn hóa ngôn ngữ Đông Tây, Huế.
5. *Đông Khánh địa dư chí* (Ngô Đức Thọ - Nguyễn Văn Nguyên - Philippe Papain dịch, 2003), Nxb. Thế Giới, Hà Nội.
6. Trần Thị Thái Hà (2017), *Từ hành cung Tức Mặc - Thiên Trường đến đô thị Vị Hoàng (Thế kỷ XIII - XIX)*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
7. *Hành Thiện xã chí*, Hành Thiện tương tế hội xuất bản (1974), Sài Gòn.
8. Ngô Vi Liên (1999), *Tên làng xã và địa dư các tỉnh Bắc Kỳ*, Nxb. Văn hóa thông tin, Hà Nội.
9. *Hồng Đức thiện chính thư* (Nguyễn Sĩ Giác dịch, 1959), Nam Hà ấn quán xuất bản, Sài Gòn.
10. Vũ Ngọc Lý (1997), *Thành Nam xưa*, Sở Văn hóa Thông tin Nam Định.
11. Trịnh Khắc Mạnh (Chủ biên, 2015), *Chợ truyền thống Việt Nam qua tư liệu Văn bia*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
12. Nguyễn Đức Nghĩa Trần Thị Hòa (1981), “Chợ làng trước cách mạng tháng Tám”, Tạp chí *Dân tộc học*, số 2/1981.
13. Nguyễn Ôn Ngọc (1893), *Nam Định tỉnh địa dư chí mục lục* (Trần Lê Hữu dịch), phòng Địa chí-Thư mục, Thư viện tỉnh Nam Định.
14. Nguyễn Quang Ngọc (1993), *Về một số làng buôn cổ ở đồng bằng Bắc Bộ thế kỷ XVIII-XIX*, Hội Sử học Việt Nam xuất bản, Hà Nội.
15. Nội các triều Nguyễn (1993), *Khâm định Đại Nam hội điển sự lệ*, tập 3, Nxb. Thuận Hóa, Huế.
16. Quốc sử quán triều Nguyễn (2005), *Khâm định Đại Nam hội điển sự lệ tục biên*, tập 3, Nxb. Giáo dục.
17. Quốc sử quán triều Nguyễn (2006), *Đại Nam nhất thống chí*, tập 3, Nxb. Thuận Hóa, Huế.
18. Quốc sử quán triều Nguyễn (2007), *Đại Nam thực lục*, tập 3, Nxb. Giáo dục, Hà Nội.
19. Quốc sử quán triều Nguyễn (2007), *Đại Nam thực lục*, tập 5, Nxb. Giáo dục, Hà Nội.
20. Trương Hữu Quỳnh (Chủ biên, 2003), *Đại cương Lịch sử Việt Nam*, tập 1, Nxb. Giáo dục, Hà Nội.
21. Tỉnh ủy HĐND UBND tỉnh Nam Định (2003), *Địa chí Nam Định*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
22. Khiếu Năng Tĩnh (1915), *Tân biên Nam Định tỉnh địa dư chí lược* (Dương Văn Vượng dịch), phòng Địa chí - Thư mục, Thư viện Nam Định.
23. Phan Đăng Trình (2006), *744 năm kiến trúc thành phố Nam Định*, Sở Văn hóa Thông tin Nam Định.